

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-6-2018

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18-6-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2018/TLST-HNGĐ ngày 10-4-2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-5-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31-5-2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị A, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Số 26, phố X, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Kiều Quang B, sinh năm 1982.

Nơi cư trú cuối cùng: Số 26, phố X, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.
Bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số: 02/2018/QĐDS-ST ngày 16-3-2018.

Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* (Đều vắng mặt).

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1960. Trú tại: số 39, phố T, khu 7, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương;

- Bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1972. Trú tại: Khu 7, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-4-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị A trình bày:

- Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Kiều Quang B vào ngày 19-4-2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau ngày cưới, vợ chồng sinh sống tại thị trấn L. Năm 2013, anh B đi xuất khẩu lao động tại nước Đài Loan được khoảng 2 đến 3 tháng thì về nước. Sau khi về nước, anh B về nhà một thời gian rồi bỏ đi. Khi anh chị còn sống cùng nhau, chị phát hiện anh B có quan hệ ngoại tình với người đàn bà khác, anh B không tu chí làm ăn, không quan tâm đến mẹ con chị, vợ chồng ít khi nói chuyện với nhau. Từ tháng 9-2014, anh B không chung sống cùng mẹ con chị và cũng không liên lạc với mẹ con chị. Chị không biết anh B đi đâu. Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc đã tuyên bố anh B mất tích theo quy định của pháp luật. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

- Về con chung: Chị và anh B có một con chung là Kiều Quang H, sinh ngày 09-3-2006. Hiện con chung đang do chị A nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh B phải đóng góp tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn L thể hiện: Anh B và chị A kết hôn với nhau đến nay đã có một con chung. Trong quá trình chung sống, giữa anh B và chị A nảy sinh mâu thuẫn do anh B chơi bời, cờ bạc và có quan hệ ngoại tình với người đàn bà khác, khi về nhà thì anh B không quan tâm đến vợ con. Anh B đi lao động ở nước ngoài, sau đó về nước. Từ tháng 9-2014 anh B không về sống cùng mẹ con chị A. Từ đó, chị A nuôi con một mình, anh B đi đâu, làm gì thì gia đình và địa phương đều không biết. Anh Kiều Quang B đã bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật. Nay chị A xin ly hôn anh B, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn vì thực tế anh chị đã không còn chung sống cùng nhau.

Những người làm chứng là ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị Y đều xác định: Quá trình anh B và chị A chung sống với nhau, anh B chơi bời, cờ bạc, chị A còn phát hiện anh B có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác ở thành phố Hải Phòng. Anh B không quan tâm, chăm sóc vợ con, tình cảm vợ chồng không mặn mà. Từ năm 2014 cho đến nay, anh B đã đi khỏi địa phương, không ai biết anh B đi đâu, anh B cũng không liên lạc gì với vợ con và ông bà. Nay chị A xin ly hôn anh B, ông T và bà Y đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn vì

trên thực tế cuộc hôn nhân giữa hai anh chị đã chấm dứt từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại phiên toà: Chị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định chị và anh B đã không còn sống cùng nhau từ tháng 9-2014 đến nay, chị không có tin tức về anh B. Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc đã tuyên bố anh B mất tích theo quy định của pháp luật, nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B để chị có cuộc sống ổn định. Về quan hệ con chung: Chị A đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Kiều Quang H, sinh ngày 09-3-2006, không yêu cầu anh B đóng góp tiền nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, người làm chứng chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị A ly hôn anh B. Về nuôi con chung: Giao con chung của chị A và anh B là Kiều Quang H, sinh ngày 09-3-2006 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị A khởi kiện xin ly hôn anh Kiều Quang B có nơi cư trú cuối cùng tại thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương, bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2018/QĐDS-ST ngày 16-3-2018. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập hợp lệ anh B đến phiên tòa hai lần nhưng anh B đều vắng mặt; người làm chứng là ông Hoàng Văn Tvà bà Hoàng Thị Y vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên căn

cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh B, ông T, bà Y.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh B không tu chí làm ăn, không quan tâm đến mẹ con chị A, chị A còn phát hiện anh B có quan hệ ngoại tình với người đàn bà khác. Từ tháng 9-2014, anh B đã không về chung sống cùng chị A, hai bên không liên lạc, quan tâm đến nhau. Từ đó đến nay, chị A không biết tin tức gì về anh B. Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc đã tuyên bố anh B mất tích. Nay chị A xin ly hôn anh B, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị A và anh B không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần cho chị A ly hôn anh B.

[3] Vợ chồng có một con chung là Kiều Quang H, sinh ngày 09-3-2006. Hiện nay, cháu H đang do chị A nuôi dưỡng. Chị A đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi anh B bỏ đi, chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, chị A đang kinh doanh buôn bán quần áo tại thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương, mức thu nhập trung bình khoảng 5 triệu đồng/tháng nên có thu nhập, điều kiện để nuôi con. Do vậy, cần giao con chung của anh chị cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng để cuộc sống của cháu H được ổn định, đảm bảo phát triển về mọi mặt. Chị A tự nguyện không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có quan điểm của anh B nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị A ly hôn anh Kiều Quang B.
2. Về nuôi con chung:

Giao con chung của chị Lê Thị A và anh Kiều Quang B là Kiều Quang H, sinh ngày 09-3-2006 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số AB/2014/0003827 ngày 10-4-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị A đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND thị trấn L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh